

Số: 270/TB-TTYT

Phước Long, ngày 10 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: **Các hãng sản xuất, nhà cung cấp HC-VTYT tại Việt Nam**

Trung tâm Y tế khu vực Phước Long có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Cung ứng vật tư y tế năm 2026. Thuộc dự án: Cung ứng hóa chất và vật tư y tế năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Phước Long với nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế khu vực Phước Long

Địa chỉ: Ấp Long Thành, Xã Phước Long, Tỉnh Cà Mau

2. Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá:

Khoa Dược – TTB – VTYT, Trung tâm Y tế khu vực Phước Long, tỉnh Cà Mau;

Địa chỉ: Ấp Long Thành, Xã Phước Long, Tỉnh Cà Mau.

Điện thoại: 0291.3864.561 (KD); 0918422660 (*Ds Lợi trong giờ hành chính*).

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược – TTB – VTYT, Trung tâm Y tế khu vực Phước Long, tỉnh Cà Mau; (**bảng gốc**).

Địa chỉ: Ấp Long Thành, Xã Phước Long, Tỉnh Cà Mau.

- Nhận qua email: tochuyengiattythpl1959@gmail.com. (**Bảng scan và file excel**).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 23/10/2025

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 23/10/2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

Quý công ty báo giá theo *Phụ lục 1* và *Phụ lục 2* kèm theo:

Nhận được thông báo này đề nghị các tổ chức có liên quan, quan tâm và đủ năng lực đến chào giá theo nội dung công việc nêu trên.

Bảng thông báo yêu cầu báo giá này được đăng tải trên <https://muasamcong.mpi.gov.vn> và trên trang thông tin điện tử Trung tâm Y tế khu vực Phước Long: <http://ttyphuoclong.vn>.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT;
- Lưu: Khoa Dược-TTB-VTTYT





PHỤ LỤC 1

MẪU BÁO GIÁ

(Đính kèm Thông báo số: 270/TB-TTYT, ngày 10 tháng 10 năm 2025)

CÔNG TY

Địa chỉ:

Điện thoại người liên hệ:

Email:.....

BẢNG BÁO GIÁ VẬT TƯ Y TẾ⁽¹⁾

Kính gửi: Trung tâm Y tế khu vực Phước Long

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế khu vực Phước Long, chúng tôi.... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung ứng; trường hợp có nhiều hãng sản xuất hoặc nhà cung ứng cùng tham gia trong một báo giá này (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các sản phẩm như sau:

STT	Tên hóa chất, vật tư y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Đơn giá	Chi phí cho các dịch vụ liên quan VNĐ	Thuế phí, lệ phí (nếu có) VNĐ	Thành tiền VNĐ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										
...										

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày, kể từ ngày ... tháng... năm...[ghi ngày.....tháng.....năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
- Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
- Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi có tham dự thầu.
- Giá trị của các sản phẩm nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin này là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông tin đã cung cấp theo bảng báo giá này.

....., ngày....tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng
sản xuất, nhà cung cấp⁽²⁾**
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Mỗi hãng sản xuất hoặc nhà cung cấp vật tư y tế tại Việt Nam có thể báo giá một hoặc nhiều mặt hàng vật tư y tế đang cung ứng trên thị trường trong cùng 01 bảng báo giá này. Đơn vị thực hiện báo giá lưu ý phải thống nhất nội dung của bảng này và bảng tại “Mẫu nhập liệu” khi áp dụng cho từng loại hàng hóa cụ thể.

(2) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.



DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ NĂM 2026

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo thông báo số 270 /TB-TT YT, ngày 10/10/2025 của Giám đốc Trung tâm Y tế khu vực Phước Long)

Stt		Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
1	Airway lớn	Chất liệu: Nhựa y tế không độc hại, trơn láng không gây tổn thương không gây kích ứng da. Kích cỡ: người lớn 90mm, Tiệt trùng. Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO	Cái	400
2	Airway nhỏ	Chất liệu: Nhựa y tế không độc hại, trơn láng không gây tổn thương không gây kích ứng da. Kích cỡ: người nhỏ 70mm, Tiệt trùng. Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO	Cái	150
3	Ambu bóp bóng người lớn	Gồm: 01 Bóp bóng người lớn sử dụng nhiều lần, 01 Mask silicon thờ tương ứng, 01 túi chứa khí, 01 dây dẫn oxy 2m . Dùng cho người lớn. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cái	10
4	Ambu bóp bóng trẻ em	Gồm: 01 Bóp bóng trẻ em sử dụng nhiều lần, 01 Mask silicon thờ tương ứng, 01 túi chứa khí, 01 dây dẫn oxy 2m . Dùng cho trẻ em. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cái	10
5	Bao Camera nội soi	Kích thước 150mm x 2,5m. Chất liệu: Nhựa PE trắng trong suốt, dùng bao camera để nội soi. Tiệt trùng riêng từng cái. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.....	Cái	300
6	Bao dây đốt	Chất liệu: Màng nhựa PE, không có chất độc hại, không có kim loại nặng, vòng thun. Tiệt trùng bằng khí EO. Kích thước: 75mm x 2,5m. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương	Cái	1.000
7	Bao đo huyết áp cỡ lớn (dùng cho máy Monitor 5TS)	Bao đo huyết áp dùng cho người lớn. Tương thích cho rất nhiều hãng máy monitor. Đạt tiêu chuẩn ISO....., hoặc tương đương.	Cái	30
8	Bao đo huyết áp cỡ nhỏ (dùng cho máy Monitor 5TS)	Bao đo huyết áp dùng cho trẻ em. Tương thích cho rất nhiều hãng máy monitor. Đạt tiêu chuẩn ISO....., hoặc tương đương.	Cái	30
9	Băng bột bó 10cm x 2.7m	Băng bột bó dùng cố định gãy xương trong điều trị chấn thương, chỉnh hình. Chất liệu: Thạch cao nguyên chất (95 - 98%), gạc 100% cotton. Kích thước: 10cm x 2.7m. Thời gian đông khô: khoảng 2 - 5 phút. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cuộn	1.000
10	Băng bột bó 15cm x 2.7m	Cố định xương gãy, trật khớp, bong gân. Chất liệu bằng thạch cao (Thạch cao $\geq 95\%$) có độ tinh khiết cao, thời gian bột bắt đầu đông kết sau khi ngâm vào nước là tối đa trong 5 phút, và sau khi bó cố định trên bệnh nhân thì phải đông kết hoàn toàn trong tối đa 30 phút (thể hiện bằng kết quả trên phiếu kiểm nghiệm sản phẩm). Gạc 100% cotton. Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn, trơn láng. Kích thước: 15cm x 2.7m ($\pm 5\%$). Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO	Cuộn	500
11	Băng bột bó 7.5cm x 2.7m	Cố định xương gãy, trật khớp, bong gân. Chất liệu bằng thạch cao (Thạch cao $\geq 95\%$) có độ tinh khiết cao, thời gian bột bắt đầu đông kết sau khi ngâm vào nước là tối đa trong 5 phút, và sau khi bó cố định trên bệnh nhân thì phải đông kết hoàn toàn trong tối đa 30 phút (thể hiện bằng kết quả trên phiếu kiểm nghiệm sản phẩm). Gạc 100% cotton. Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn, trơn láng. Kích thước: 7.5cm x 2.7m ($\pm 5\%$). Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO	Cuộn	500
12	Băng cá nhân	Chất liệu: Băng vải Viscose và Polyamide không thấm nước. Gạc: phủ polyethylene. Keo: Oxyd kẽm. Kích thước: Băng: 20mm x 60 mm. Tiệt trùng	Miếng	50.000
13	Băng cuộn y tế	Thành phần: Vải dệt hút nước. Kích thước: 9cm x 2.5m. Sản phẩm chứa trong túi nylon, không vô trùng, không có độc tố. Đạt tiêu chuẩn: ISO.....	Cuộn	1.000

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
14	Băng keo chỉ thị nhiệt	Kích thước: 18-19mm x ≥50m. Là một loại chỉ thị hóa học dùng để dán cố định bên ngoài các gói dụng cụ cần tiệt khuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO....	Cuộn	100
15	Băng keo lụa	Kích thước 2,5cm x ≥ 5m. Độ phủ keo : 60 (±5%) g/m ² ; số sợi: ≥ 44 x 18/cm, lực dính: ≥ 5.5 N/cm Băng có cấu tạo nền vải lụa, Phủ lớp keo Acrylate, không chứa mủ cao su, độ dính tốt, ít gây dị ứng và không sót keo khi tháo băng ra. Có thể được xé theo 2 chiều một cách dễ dàng và thuận tiện. Bền chắc, thông thoáng cho da, chống thấm nước. Đạt tiêu chuẩn: ISO.....	Cuộn	10.000
16	Bình huỷ kim lớn 6,8 lít	Sử dụng hạt nhựa HDPE chính phẩm. Hộp có kết cấu chắc chắn, cứng vững. Nắp đậy kín khít không để cho chất thải lọt ra ngoài. Dung tích hộp loại 6,8 lít	Cái	50
17	Bình huỷ kim nhỏ 1,5 lít	Sử dụng hạt nhựa HDPE chính phẩm. Hộp có kết cấu chắc chắn, cứng vững. Nắp đậy kín khít không để cho chất thải lọt ra ngoài. Dung tích hộp loại 1,5 lít	Cái	50
18	Bo huyết áp kế	Bằng cao su lưu hóa, 1 đầu bịt lại, 1 đầu kết nối với van, phụ kiện dùng cho máy đo huyết áp kế cơ. Mới 100%	Cái	100
19	Bóng đèn cực tím	Tiệt trùng phòng kích cỡ: 60cm, 90cm	Cái	10
20	Bóng đèn hồng ngoại các loại	Bóng đèn hồng ngoại công suất cực đại 220V/50Hz- 250W.	Cái	20
21	Bộ điều kinh 1 van	Chất liệu nhựa y tế gồm có: 01 Ống bơm 1 van , 01 Pít tông kín. Đầu Pít tông có gioăng cao su mềm hình chữ O, tạo độ kín giữa Pít tông và ống bơm. 02 Ống hút có các kích cỡ: 4mm và 5mm. 01 Dầu bôi trơn dụng cụ. Đóng gói tiệt trùng từng bộ. Đạt tiêu chuẩn ISO...., hoặc tương đương.	Bộ/Cái	50
22	Bộ đồ trẻ sơ sinh + bo hút nhót	Bộ đồ trẻ sơ sinh (Bộ sanh). Thành phần gồm 13 món: áo; quần; nón; bao tay; bao chân; khăn sữa; khăn lông quàng bé; khăn gạc 60cm x 80cm x 3 lớp; kẹp rốn, tấm trải nilon 45cm x 70cm, bao đo máu, tạp dề 80cm x 120cm, bo hút nhót. Loại: tiệt trùng. Nguyên liệu: áo; quần; nón; bao tay; bao chân; khăn sữa; khăn lông quàng bé; khăn gạc 60cm x 80cm x 3 lớp: làm từ sợi cotton 100%; tấm trải nilon: Polyethylene.	Bộ	1.000
23	Bông không thấm nước	Nguyên liệu: bông xơ tự nhiên 100% cotton. Màu vàng nhạt hoặc trắng tự nhiên của bông. Không hút nước. Đóng gói: 1kg/gói, sản phẩm chứa trong túi nylon. Đạt tiêu chuẩn ISO...., hoặc tương đương.	Kg	30
24	Bông thấm nước y tế	Chất liệu 100% bông tự nhiên, có chất tan trong ether ≤ 0.5%, Tro sulfat ≤ 0.4% . Chiều ngang : 30 cm (± 1cm). Khả năng thấm hút cao và nhanh, không mùi, không bị to, không bay bụi, không lẫn tạp chất, không kích ứng da, không có lẫn các mảnh lá hoặc vỏ hạt. Bông được ép thành lớp. Bông có 4 lớp, chiều dài mỗi lớp: 400(±5%) cm. Định lượng bông: 200g/m ² (±5%) , chiều dày miếng bông: ≥ 3mm, khả năng hút nước 5g nước/ 1 g bông. Đạt ISO... hoặc tương đương	Kg	500
25	Bông viên	Bông hút nước 100% cotton, đường kính 2cm, màu trắng, đồng nhất, không mùi lạ, không bị to, không bay bụi, không lẫn tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường. Khả năng hút nước: 5g bông hút không ít hơn 100gr nước. Tốc độ chìm ≤ 8 giây. Đã tiệt khuẩn. Đạt ISO... hoặc tương đương	Kg	40

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
26	Bơm tiêm 10ml (23G)	Bơm tiêm 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt. Dung tích chia độ tổng cộng >10ml, rõ nét. Pít tông có khía bề gãy để hủy. Vô trùng, không độc, không gây sốt, không DEHP, Tiệt trùng. Kim thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Cờ kim 23G x 1" . Đạt ISO... hoặc tương đương	Cái	80.000
27	Bơm tiêm 1ml, có kim 26G	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 1ml, cờ kim 26G x 1/2". Vạch chia dung tích rõ nét. Thân kim làm bằng thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. Sản phẩm đóng gói riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Đạt tiêu chuẩn: ISO....	Cái	40.000
28	Bơm tiêm 20 ml có kim 23G	Bơm tiêm 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt. Dung tích chia độ tổng cộng >20ml, rõ nét. Pít tông có khía bề gãy để hủy. Vô trùng, không độc, không gây sốt, không DEHP, Tiệt trùng. Kim thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Cờ kim 23G x 1" . Đạt ISO... hoặc tương đương	Cái	20.000
29	Bơm tiêm 3ml (23G)	Chất liệu: Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế. Dung tích 3ml, cờ kim 23G; Vạch chia dung tích rõ nét. Thân kim làm bằng thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. Sản phẩm đóng gói riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Đạt tiêu chuẩn: ISO....	Cái	30.000
30	Bơm tiêm 3ml (25G)	Chất liệu: Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế. Dung tích 3ml, cờ kim 25G; Vạch chia dung tích rõ nét. Thân kim làm bằng thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. Sản phẩm đóng gói riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Đạt tiêu chuẩn: ISO....	Cái	7.000
31	Bơm tiêm 50ml (đầu lớn)	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml, không kim.Chất liệu nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khía bề gãy để hủy. Không độc, không gây sốt, không DEHP. Tiệt trùng . Đạt ISO... hoặc tương đương	Cái	1.000
32	Bơm tiêm 50ml (đầu nhỏ có kim)	Bơm tiêm 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, không có chất DEHP. Dung tích chia độ tổng cộng >50ml, có vạch chia dung tích rõ nét, đốc nhỏ lắp vừa kim tiêm các cỡ. Sản phẩm đóng gói riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Đạt ISO... hoặc tương đương	Cái	4.000
33	Bơm tiêm 5ml, có kim 23G	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 5ml, làm bằng nguyên liệu nhựa PP dùng trong y tế, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vía, vạch chia dung tích rõ nét, cờ kim 23G. Kim làm bằng thép không gỉ, kim sắc nhọn, không gợn, vát 3 cạnh, có nắp đậy. Pít tông có khía bề gãy để hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm đóng gói riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Đạt tiêu chuẩn: ISO....	Cái	60.000
34	Bơm tiêm 5ml, có kim 25G	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 5ml, làm bằng nguyên liệu nhựa PP dùng trong y tế, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vía, vạch chia dung tích rõ nét, cờ kim 25G. Kim làm bằng thép không gỉ, kim sắc nhọn, không gợn, vát 3 cạnh, có nắp đậy. Pít tông có khía bề gãy để hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm đóng gói riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Đạt tiêu chuẩn: ISO....	Cái	100.000

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
35	Cidezyme	Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ hoạt tính enzyme, hiệu quả nhanh sau 1-3 phút. pH trung tính không gây ăn mòn dụng cụ.	Lít	10
36	Cồn 90 độ	Tính chất: chất lỏng trong suốt không cặn, mùi đặc trưng sản phẩm, hàm lượng ethanol 90%. Không màu, Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương; chai 1 lít	Lít	10
37	Cồn tuyệt đối	Chất lỏng, không màu, trong suốt, mùi đặc trưng, Dung dịch Ethanol $\geq 99,5\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương; chai 1 lít	Lít	15
38	Chỉ Chromic 1/0 có kim	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 1/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng, độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Đạt tiêu chuẩn: ISO....	Tép	50
39	Chỉ Chromic 1/0 không kim	Chỉ tan chậm tự nhiên số 1, không kim, dài 150 cm. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng, độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Đạt tiêu chuẩn: ISO....	Tép	50
40	Chỉ Chromic 2.0 không kim	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 2/0, không kim, dài 150 cm. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng, độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Đạt tiêu chuẩn: ISO....	Tép	480
41	Chỉ Chromic 2/0 có kim	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng, độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Đạt tiêu chuẩn: ISO....	Tép	1.200
42	Chỉ Chromic 3/0 có kim	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng, độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Đạt tiêu chuẩn: ISO....	Tép	50
43	Chỉ Chromic 3/0 không kim	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 3/0, không kim, dài 150 cm. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng, độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Đạt tiêu chuẩn: ISO....	Tép	50
44	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi tổng hợp polypropylene số 4/0 kim tròn	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 4/0. Đơn sợi, dài ≥ 90 cm, 2 kim tròn đầu tròn, bằng thép không gỉ, phủ silicone, dài ≥ 20 mm, 1/2 vòng tròn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn. Tiệt trùng. Đạt ISO... hoặc tương đương	Tép	25
45	Chỉ khâu Premilene 2/0 có kim	Số 2/0 kim tròn 1/2C, kim ≥ 25 mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh. Tiệt trùng. Đạt ISO... hoặc tương đương	Tép	60
46	Chỉ Nylon 2/0 có kim	Chỉ tổng hợp không tan, đơn sợi, chất liệu Polyamid, số 2/0 chỉ dài 75cm, kim tam giác 24-26mm làm bằng thép không gỉ phủ silicon, cong 3/8 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO....	Tép	480
47	Chỉ Nylon 3/0 có kim	Chỉ tổng hợp không tan, đơn sợi, chất liệu Polyamid, số 3/0 chỉ dài 75cm, kim tam giác 24-26mm làm bằng thép không gỉ phủ silicon, cong 3/8 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO....	Tép	1.200
48	Chỉ Nylon 4/0 có kim	Chỉ tổng hợp không tan, đơn sợi, chất liệu Polyamid, số 4/0, chỉ dài 75cm, kim tam giác 18-19mm bằng thép không gỉ phủ silicon, cong 3/8 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO....	Tép	600
49	Chỉ silk 2/0 không kim	Chỉ không tan tự nhiên Caresilk (Silk) số 2/0, không kim, 12 sợi x 75 cm. Tiệt trùng. Đạt ISO... hoặc tương đương	Tép	25

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
50	Chỉ silk 4/0 kim	Chỉ không tan tự nhiên silk số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Sợi chỉ có lực căng đứt ≥ 0.87 kgf . Đóng gói 2 lớp: lớp trong bằng nhựa định hình cứng sâu 5 mm, lớp ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Đạt ISO... hoặc tương đương	Tép	25
51	Chỉ Silk 5/0 có kim	Chỉ không tan tự nhiên silk số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đạt tiêu chuẩn ISO....	Tép	50
52	Chỉ Silk 7.0 có kim	Chỉ không tan tự nhiên silk số 7/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 13 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đạt tiêu chuẩn ISO....	Tép	50
53	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 4/0, kim tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 20 mm, vô trùng, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 56 đến 70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO...., hoặc tương đương.	Tép	50
54	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 1/0 kim tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 1, chất liệu Polyglactin 910 số 1/0, dài 90cm, kim tròn 1/2c dài 40mm. Kim khâu được làm từ thép không gỉ 302 kim phủ silicone. Hỗ trợ giữ vết khâu trong 30 ngày. Tan hoàn toàn từ 56-70 ngày. Đóng gói trong túi giấy nhôm. Xử lý tiệt trùng bằng EO (Ethylene Oxide). Đạt tiêu chuẩn ISO...., hoặc tương đương.	Tép	240
55	Chỉ thép số 5, kim tròn	Chỉ thép số 5, dài 7 cm, kim tròn 1/2c, dài 55mm. Đạt tiêu chuẩn ISO...., hoặc tương đương.	Tép	50
56	Chỉ Vicryl 1.0 (90cm) kim tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, phủ Poly(glycolide-co-L-lactide) (30/70) và Calcium Stearate, số 1, dài 90 cm, (duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày), kim tròn 1/2c, dài 40 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đạt ISO... hoặc tương đương	Tép	720
57	Chỉ Vicryl 2.0 (75 cm) kim tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, phủ Poly(glycolide-co-L-lactide) (30/70) và Calcium Stearate, số 2/0, dài 75 cm, (duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày), kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đạt ISO... hoặc tương đương	Tép	240
58	Chloramin B	Sử dụng để diệt khuẩn bề mặt, xử lý nước. Thành phần: 25% clo hoạt tính, dạng viên.	Kg	50
59	Dây cho ăn số 16	Ống thông dạ dày số 16. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đạt tiêu chuẩn ISO....	Sợi	200
60	Dây cho ăn số 8	Ống thông dạ dày số 8. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đạt tiêu chuẩn ISO....	Sợi	100
61	Dây garo	Chất liệu thun cotton , có băng gai dính 2 đầu.	Sợi	500
62	Dây hút nhót số 12	Dây hút đờm nhót số 12, tiệt trùng, đóng cái từng cái. Được sản xuất từ nhựa y tế, không độc hại, không kích ứng, có khóa van. Đạt tiêu chuẩn ISO....	Sợi	600
63	Dây hút nhót số 8	Dây hút đờm nhót số 8, tiệt trùng, đóng cái từng cái. Được sản xuất từ nhựa y tế, không độc hại, không kích ứng, có khóa van. Đạt tiêu chuẩn ISO....	Sợi	200

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
64	Dây nối bơm tiêm tự động 140cm	Chiều dài dây 140 cm. Chất liệu PVC, không có chất DEHP, thể tích tồn lưu nhỏ. Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. Đường kính trong 0,9mm, đường kính ngoài 1,9 mm. Đầu nối Luer Lock, có khóa dừng (kẹp ngắt dòng). Dùng cho bơm tiêm điện, chịu được áp suất tốt. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO....	Cái	1.000
65	Dây nối oxy dài 2m	Chất liệu: nhựa PVC. Gồm: ống dây và phễu. Chiều dài: 2m. Đã được tiệt trùng.	Sợi	200
66	Dây thở oxy 2 nhánh, người lớn	Dùng cho người lớn. Chất liệu PVC y tế, mềm, dài 2m, không chứa độc tố DEHP. Đầu canula mềm không gây khó chịu, kích ứng mũi. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Bộ/Cái	3.200
67	Dây thở oxy 2 nhánh, sơ sinh	Dùng cho sơ sinh. Chất liệu PVC y tế, mềm, dài 2m, không chứa độc tố DEHP. Đầu canula mềm không gây khó chịu, kích ứng mũi. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cái	300
68	Dây thở oxy 2 nhánh, trẻ em	Dùng cho trẻ em. Chất liệu PVC y tế, mềm, dài 2m, không chứa độc tố DEHP. Đầu canula mềm không gây khó chịu, kích ứng mũi. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cái	300
69	Dây truyền dịch 1ml =20 drops 22G	Dài : $\geq 1,7$ m. Dây truyền dịch 20 giọt/ml, được làm từ nhựa nguyên sinh PVC mềm dẻo, có độ đàn hồi cao. Có cổng tiêm thuốc chữ Y. Đầu nối kim thiết kế khóa vặn để khóa chặt kim (Luer lock). Van thoát khí (van lọc khí). Sản phẩm đóng gói riêng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Đạt tiêu chuẩn ISO....	Sợi	20.000
70	Dây truyền máu 18G x 1/2	Chất liệu PVC mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, dây dài ≥ 150 cm, không có DEHP, kim tiêm 18G, 1ml/20 giọt. Tiệt trùng, Đạt tiêu chuẩn ISO....	Bộ	1.000
71	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao (ORTHO-PHTHALALDEHYDE 0,55%)	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế chứa thành phần: Ortho-Phthalaldehyde 0,55%. Can 5 lít.	Can	100
72	Dung dịch phun sương khử khuẩn	Chất khử trùng bề mặt, không khí. Dung dịch không màu, không mùi, không có tác dụng độc hại, không ảnh hưởng đến giá trị pH và không gây ăn mòn. Phân hủy sinh học dễ dàng phân hủy thành hơi nước và oxy (phân hủy sinh học cao). Tiêu diệt vi khuẩn và làm bất hoạt các loại virus; diệt nấm, diệt khuẩn (bao gồm cả các chủng đa kháng như MRSA,...), vi rút có hại. Can 5 lít. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Can	10
73	Dung dịch rửa vết thương loại Povidone Iodine 10% (500ml)	Povidone iodine 10% , chai 500ml	Chai	500
74	Đầu col 10 μ l	Đầu cone nhựa, màu trắng, dùng cho pipet 10 μ l	Cái	5.000
75	Đầu col vàng	Chất liệu: nhựa PP, các sản phẩm đầu col phù hợp với hầu hết tất cả các loại pipet, có khóa, màu vàng Kích thước: 0-200ul.	Cái	40.000
76	Đầu col xanh	Chất liệu: nhựa PP, các sản phẩm đầu col phù hợp với hầu hết tất cả các loại pipet, có khóa, màu xanh. Kích thước: 0-1000ul	Cái	20.000

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
77	Đề lưới gỗ	Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. Sản phẩm được tiệt trùng. Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. Đạt tiêu chuẩn ISO.....	Cái	20.000
78	Gạc dẫn lưu (2cm x 30cm x 6 lớp)	Nguyên liệu: vải không dệt Polyester và Rayon hoặc Polyester và Viscose, thấm nước, định lượng: 32 gram/m ² ; gạc được gấp thành miếng, quy cách: 2cm x 30cm, dày 6 lớp, có đỉnh sợi cản quang bên trong miếng gạc, Loại: tiệt trùng (bằng khí EO). Đạt ISO... hoặc tương đương	Miếng	1.500
79	Gạc mét	Gạc y tế. Chất liệu: sợi cotton 100%, màu trắng, Khổ: 0,8 mét. Tốc độ hút nước, nhỏ hơn 10 giây. Đóng gói: 100 mét/ gói. Đạt tiêu chuẩn ISO....	Mét	6.000
80	Gạc phẫu thuật ổ bụng vô trùng 30 x 40cm x 8 lớp	Thành phần: Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Định lượng: ≥ 23 gam/m ² . Mật độ: sợi ngang ≥ 7 sợi, sợi dọc ≥ 9 sợi. Sợi cản quang gấp trong miếng gạc. - Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng - Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/g gạc - Tốc độ hút nước (Thời gian chìm): ≤ 5 s; - Độ pH (Giới hạn acid và kiềm): Đạt trung tính; - Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. Quy cách: 30 x 40cm x 8 lớp, Có sợi cản quang để kiểm tra sót gạc. Đóng gói: 5 cái/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế, được tiệt trùng bằng EO-Gas. Đạt ISO... hoặc tương đương	Cái	1.000
81	Gạc y tế tiệt trùng 10cm x 10cm x 8lớp	Chất liệu: được dệt từ sợi cotton 100%, gạc hút nước, có chỉ số sợi là 32s/1, mật độ 26 x 21/ inch, sợi chắc, mịn, không có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, hoàn toàn trắng, không dùng chất quang sắc. - Kích thước: 10cm x 10cm x 8 lớp. Đạt ISO... hoặc tương đương	Miếng	100
82	Găng tay phẫu thuật vô trùng số 6.5	Chất liệu cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, tiệt trùng, size 6,5, dài ≥ 275 mm. Chiều rộng lòng bàn tay: 83 $\pm$ 5mm. Độ dày (mm): >0.14 (lòng bàn tay), > 0.16 (đầu ngón tay). Chịu lực kéo tốt. Đạt ISO... hoặc tương đương	Đôi	6.000
83	Găng tay phẫu thuật vô trùng số 7	Chất liệu cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, tiệt trùng, size 7, dài ≥ 280 mm, Chiều rộng lòng bàn tay: 89 $\pm$ 5mm. Độ dày (mm): >0.14 (lòng bàn tay), > 0.16 (đầu ngón tay). Chịu lực kéo tốt. Đạt ISO... hoặc tương đương	Đôi	6.000
84	Găng tay phẫu thuật vô trùng số 7.5	Chất liệu cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, tiệt trùng, size 7.5, dài ≥ 285 mm. Chiều rộng lòng bàn tay: 95 $\pm$ 5mm. Độ dày (mm): >0.14 (lòng bàn tay), > 0.16 (đầu ngón tay). Chịu lực kéo tốt. Đạt ISO... hoặc tương đương	Đôi	4.000
85	Găng tay sản khoa tiệt trùng số 7	Găng tay tiệt khuẩn. Chất liệu: 100% cao su tự nhiên, có phủ bột chống dính, màu trắng đến vàng nhạt. Găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay, viền gân ở cổ tay Chiều dài: ≥ 400 mm. Chiều rộng: Size 7: 89 $\pm$ 5 mm. Độ dày ngón tay, lòng bàn tay, cổ tay: tối thiểu 0.15mm. Đặc tính: lực kéo đứt trước khi già hóa nhanh tốt, độ giãn dài trước khi già hóa nhanh tốt. Đạt ISO... hoặc tương đương.	Đôi	600
86	Găng tay y tế chưa tiệt trùng size M	Chất liệu cao su thiên nhiên, có bột, size M, dài ≥ 240 mm, rộng: 95 $\pm$ 10mm	Đôi	120.000
87	Găng tay y tế chưa tiệt trùng size S	Chất liệu cao su thiên nhiên, có bột, size S, dài ≥ 240 mm, rộng: 80 $\pm$ 10mm	Đôi	20.000

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
88	Gel bôi trơn	Trong suốt, không màu, không mùi.Tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. Thành phần chính: Nước,, Hydroxyethyl,cellulose, glycerine, natri hydroxid, sodium benzoat. Tuýp 82 g	Tuýp	50
89	Gel siêu âm	Gel siêu âm giúp tạo môi trường thu nhận tín hiệu siêu âm, được dùng trong siêu âm, chẩn đoán hình ảnh y khoa. Gel không có tính chất ăn mòn, và không gây dị ứng da, không gây kích ứng da,. Chỉ sử dụng bên ngoài. Bôi trực tiếp lên da và cho phép sóng siêu âm thăm dò để đạt được kết quả một cách rõ ràng hơn và không bị gián đoạn. Can 5 lít., Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Can/Bình	120
90	Giấy điện tim 3 cần 63mm x 30m	Giấy điện tim 3 cần (sọc cam) kích thước 63mm*30m, chạy đc cho các loại máy. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cuộn	300
91	Giấy đo điện tim 58mm	Giấy in kết quả điện tâm đồ, kích thước 58mm x 20 m, có dòng kẻ.	Cuộn	500
92	Giấy in monitor sản khoa (130 x 120mm)	Giấy monitor sản khoa 130mm x 120mm x 300 tờ . Giấy in nhiệt cho bản in sắc nét rõ ràng. Đạt tiêu chuẩn ISO....	Tập	60
93	Giấy in nhiệt 50 mm	Giấy in in nhiệt: 50mm x ≥20m, dạng cuộn, không sọc lưới.	Cuộn	100
94	Giấy in siêu âm	Giấy in ảnh siêu âm trắng đen. Tương thích nhiều loại máy in siêu âm. Độ phân giải tốt, độ tương phản cao và khả năng in tốt. Dạng cuộn. Kích thước: 110mm x 20m. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cuộn	30
95	Kim châm cứu số 10	Kim châm cứu số 10 làm bằng chất liệu thép không gỉ , đầu kim nhọn, kích thước 0.3mm x 75mm.	Cây	10.000
96	Kim châm cứu số 2	Làm bằng thép không gỉ. Kích cỡ: 0.25mm x 30mm. Tiệt trùng. Đạt ISO... hoặc tương đương.	Cây	100.000
97	Kim châm cứu số 20	Kim châm cứu vô trùng loại dùng 1 lần. Kim đốc thép y tế không gỉ, số 20	Cây	20.000
98	Kim châm cứu số 3	Làm bằng thép không gỉ. Kích cỡ: 0.30mm x 30mm. Tiệt trùng. Đạt ISO... hoặc tương đương.	Cây	10.000
99	Kim chọc dò tủy sống 25G	Kim gây tê tủy sống với cấu trúc đốc kim lăng kính trong suốt, có phản quang, thuận tiện trong việc quan sát dòng chảy của thuốc hoặc dịch não tủy. Tiệt trùng. Cỡ: 25G, Đạt tiêu chuẩn ISO....	Cây	200
100	Kim chọc dò tủy sống 27G	Kim gây tê tủy sống với cấu trúc đốc kim lăng kính trong suốt, có phản quang, thuận tiện trong việc quan sát dòng chảy của thuốc hoặc dịch não tủy. Tiệt trùng. Cỡ: 27G, Đạt tiêu chuẩn ISO....	Cây	500
101	Kim khâu da tam giác, tròn (11 x 34)	Được sản xuất bằng thép Cacbon với công nghệ sản xuất hiện đại cho đầu kim nhọn, sắc nhọn. Kim dạng cong hình bán nguyệt. Công dụng: dùng để khâu vết thương. - Kích thước: Tam giác - tròn: 11 x 34;	Cây	2.000
102	Kim khâu da tam giác, tròn (9 x 24)	Được sản xuất bằng thép Cacbon với công nghệ sản xuất hiện đại cho đầu kim nhọn, sắc nhọn. Kim dạng cong hình bán nguyệt. Công dụng: dùng để khâu vết thương. - Kích thước: Tam giác - tròn: 9 x 24;	Cây	2.000
103	Kim lấy thuốc số 18G	Kim tiêm thuốc cỡ 18G. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp bảo vệ, kim bằng thép không gỉ, chuôi bằng nhựa PP. Không chứa độc tố DEHP. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO....	Cây	120.000
104	Kim lấy thuốc số 23G	Kim tiêm thuốc cỡ 23G. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp bảo vệ, kim bằng thép không gỉ, chuôi bằng nhựa PP. Không chứa độc tố DEHP. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO....	Cây/chiếc	10.000
105	Kim luồn tĩnh mạch 18G	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, kim 18G, có cửa, có van, có công tiêm thuốc. Kim bằng thép không gỉ, sắc, nhọn, vát 3 cạnh. Đóng gói từng cái, tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cây/cái	1.000

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
106	Kim luân tĩnh mạch 20G	Kim luân tĩnh mạch có cánh, kim 20G, có cửa, có van, có cổng tiêm thuốc. Kim bằng thép không gỉ, sắc, nhọn, vát 3 cạnh. Đóng gói từng cái, tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cây/cái	2.000
107	Kim luân tĩnh mạch 22G	Kim luân tĩnh mạch có cánh, kim 22G, có cửa, có van, có cổng tiêm thuốc. Kim bằng thép không gỉ, sắc, nhọn, vát 3 cạnh. Đóng gói từng cái, tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cây/cái	20.000
108	Kim luân tĩnh mạch 24G	Kim luân tĩnh mạch có cánh, kim 24G, có cửa, có van, có cổng tiêm thuốc. Kim bằng thép không gỉ, sắc, nhọn, vát 3 cạnh. Đóng gói từng cái, tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cây/cái	8.000
109	Kim luân tĩnh mạch an toàn, có cánh cho bơm áp lực cao (22G)	Kim luân tĩnh mạch an toàn G22. Kim thép không gỉ, phủ silicon. Đầu kim sắc, có 3 mặt vát. Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau. Có cánh có cửa bơm thuốc. Có màng chống tràn máu. Catheter có 4 đường cảm quang, chất liệu FEP-Teflon. Đóng gói từng cái, tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cây	2.000
110	Kim luân tĩnh mạch an toàn, có cánh cho bơm áp lực cao (24G)	Kim luân tĩnh mạch an toàn G24. Kim thép không gỉ, phủ silicon. Đầu kim sắc, có 3 mặt vát. Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau. Có cánh có cửa bơm thuốc. Có màng chống tràn máu. Catheter có 4 đường cảm quang, chất liệu FEP-Teflon. Đóng gói từng cái, tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cây	6.000
111	Kim luân tĩnh mạch ngoại vi số 42		Cây	5
112	Khẩu trang tiệt trùng	Chất liệu: vải PP không dệt có lớp lọc. Đặc điểm: gồm 3 lớp: * Lớp 1: tiếp xúc với da mặt: Vải không dệt PP Spunbond trắng * Lớp 2: Vải không dệt PP Spunbond xanh * Lớp giữa: lớp Giấy lọc Thanh nẹp mũi 100% nhựa PP định hình, an toàn khi sử dụng. Dây thun mềm, đàn hồi tốt. Độ lọc khuẩn $\geq 99\%$, Lọc hạt bụi (0,1 μ m) PFE $\geq 99\%$ Kích thước khẩu trang: Rộng 9cm x Dài 17,5cm. ($\pm 0,5$) thoải mái cho người dùng Đóng gói: 1 cái/ bao tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO....	Cái	10.000
113	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang y tế 4 lớp, bao gồm các lớp vải không dệt và lớp lọc. Không kích ứng da, thoáng khí, dây đeo được may chắc chắn. Đạt tiêu chuẩn ISO....	Cái	70.000
114	Khí CO2	Chai chứa 8kg CO2. Độ tinh khiết $\geq 99,6\%$.	Kg	300
115	Khí oxy y tế (bình 10 lít, 1.5m ³)	Độ tinh khiết $\geq 99,6\%$. Dung tích chai 10 lít tương đương 1.5m ³	Chai	200
116	Khí oxy y tế (bình 40 lít, 6m ³)	Độ tinh khiết $\geq 99,6\%$. Dung tích chai 40 lít tương đương 6m ³	Chai	500
117	Oxy y tế dạng lỏng	Nồng độ Oxy $\geq 99,6\%$.	Kg	50.000
118	Khóa 3 chạc	Có cấu tạo 3 đầu khớp, 1 khóa chính, 2 khóa phụ, không kèm dây nối. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO....	Cái	700
119	Lam kính	Chất liệu thủy tinh trong suốt, trơn. Kích thước khoảng 25,4mm x 76,2 mm. Độ dày: 1mm-1,2mm. Hộp ≥ 72 cái	Hộp	50
120	Lam kính nhám	Chất liệu thủy tinh trong suốt có một đầu nhám nhám. Kích thước khoảng 25,4mm x 76,2 mm. Độ dày: 1mm-1,2mm. Hộp ≥ 72 cái	Hộp	120
121	Lamen (22x22mm)	Lamen kính, kích thước 22mm x 22mm. Hộp ≥ 100 cái	Hộp	50

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
122	Lancet (kim lấy máu)	Kim sắc nhọn, thép không gỉ, an toàn tiệt trùng, không độc hại, không chứa chất gây sốt. Kim chích lấy máu bệnh nhân. Sử dụng 1 lần. Đóng gói riêng từng cây. Đạt tiêu chuẩn ISO...., hoặc tương đương.	Cái	6.000
123	Lọ đựng nước tiểu	Lọ nhựa trắng trong đựng nước tiểu, có nhãn, có nắp, dung tích 50-55ml.	Cái	3.000
124	Lọ nhựa đựng mẫu vô trùng có nắp	Lọ nhựa trong suốt, có nhãn. Dung tích ≥ 50 ml. Đóng riêng túi 1 lọ. Đã tiệt trùng, có nắp.	Cái	400
125	Lọ nhựa đựng phân 50ml có nắp	Lọ đựng mẫu phân bằng nhựa trong suốt, có nắp đậy, không có hoá chất, thân lọ có nhãn để ghi thông tin bệnh nhân. Dung tích 50ml.	Cái	400
126	Lọc khuẩn làm ấm người lớn (cổng đo CO2)	Lọc 3 chức năng: lọc khuẩn, giữ ấm-âm, có cổng đo CO2, lọc theo cơ chế tĩnh điện	Bộ/Cái	300
127	Lưỡi dao mổ số 11	Lưỡi dao phẫu thuật số 11 được làm bằng thép không gỉ. Đóng gói riêng trong lá bạc. Khử trùng bằng Tia gamma. Các rãnh dọc theo lưỡi dao tương thích với mọi loại cán dao. Đạt tiêu chuẩn ISO....	Cái	500
128	Lưỡi dao mổ số 15	Lưỡi dao phẫu thuật số 15 được làm bằng thép không gỉ. Đóng gói riêng trong lá bạc. Khử trùng bằng Tia gamma. Các rãnh dọc theo lưỡi dao tương thích với mọi loại cán dao. Đạt tiêu chuẩn ISO....	Cái	200
129	Lưỡi dao mổ số 21	Lưỡi dao phẫu thuật số 21 được làm bằng thép không gỉ. Đóng gói riêng trong lá bạc. Khử trùng bằng Tia gamma. Các rãnh dọc theo lưỡi dao tương thích với mọi loại cán dao. Đạt tiêu chuẩn ISO....	Cái	1.500
130	Lưu lượng kế kèm bình làm ấm (Dùng cho Oxy âm tường)	Lưu lượng kế: 01 cái. Bình làm ấm: 02 cái. Điều chỉnh từ 0-15 lít/phút. Bình làm ấm dung tích khoảng 350ml. Đầu nối khí: chất liệu đồng.	Bộ/Cái	10
131	Mảnh ghép thoát vị bẹn, thành bụng kích cỡ 10 x 15 cm	Mảnh ghép thoát vị chất liệu polypropylene đơn sợi, nhẹ, co giãn đa chiều. Dùng trong sửa chữa thoát vị bẹn, thành bụng, kích thước 10cm x 15cm. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương	Cái	5
132	Mảnh ghép thoát vị bẹn, thành bụng kích cỡ 5 x 10 cm	Mảnh ghép thoát vị chất liệu polypropylene đơn sợi, nhẹ, co giãn đa chiều. Dùng trong sửa chữa thoát vị bẹn, thành bụng, kích thước 5cm x 10cm. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương	Cái	30
133	Mask oxy có túi người lớn	Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC hoặc tương đương, dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, túi oxy, tiệt trùng, size người lớn.	Cái	400
134	Mask oxy có túi trẻ em	Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC hoặc tương đương, dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, túi oxy, tiệt trùng, size trẻ em	Cái	100
135	Máy đo huyết áp lớn, có kiểm định	Máy đo huyết áp thông thường, loại cơ cỡ lớn, có kiểm định.	Cái	80
136	Máy đo huyết áp nhỏ, có kiểm định	Máy đo huyết áp thông thường, loại cơ cỡ nhỏ, có kiểm định.	Cái	10
137	Máy đo huyết áp trung, có kiểm định	Máy đo huyết áp thông thường, loại cơ cỡ trung bình, có kiểm định.	Cái	10

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
138	Mặt nạ khí dung người lớn	Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC chuẩn y tế, nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Có bầu chứa thuốc. Dây dẫn có chiều dài 2m, lòng ống có khóa chống gập. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. Gọng điều chỉnh vùng mũi làm từ thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. Dây đeo đàn hồi. Các cỡ: người lớn. Sản phẩm được khử trùng bằng khí (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO....	Cái	1.500
139	Mặt nạ khí dung trẻ em	Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC chuẩn y tế, nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Có bầu chứa thuốc. Dây dẫn có chiều dài 2m, lòng ống có khóa chống gập. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. Gọng điều chỉnh vùng mũi làm từ thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. Dây đeo đàn hồi. Các cỡ: trẻ em. Sản phẩm được khử trùng bằng khí (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO....	Cái	1.000
140	Miếng dán điện cực tim	Kích thước: 4.3cm x 4.5cm, độ dính cao, tiếp xúc tốt, không gây kích ứng da. Đạt tiêu chuẩn ISO....	Miếng	8.000
141	Nón phẫu thuật tiệt trùng	Làm từ vải không dệt, không thấm nước, thoáng khí. Thành phần nguyên liệu là 100% Polypropylen, sản phẩm được tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cái	3.500
142	Nút chặn đuôi kim luồn	Nút chặn đuôi kim luồn có cổng bơm thuốc, không chứa latex. Cho phép rút máu hoặc chích thuốc nhiều lần. Tiệt trùng từng cái bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO...., hoặc tương đương.	Cái	6.000
143	Ống dẫn lưu ổ bụng	Dùng để thải dịch, dẫn lưu. Chất liệu nhựa. Tiệt trùng. Đường kính trong khoảng 50/70mm, đường kính ngoài khoảng 70/100mm. Đạt ISO... hoặc tương đương	Cái	100
144	Ống HCT	Sử dụng để lấy máu mao mạch và xử lý mẫu máu	Cái	2.000
145	Ống hút thai (ống hút điều kinh) các số 4,5,6	Các số: 4, 5, 6. Được tiệt trùng bằng khí E.O. Ống bằng nhựa nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO...., hoặc tương đương.	Ống/cái	500
146	Ống ly tâm 15ml	Ống có dung tích 15ml, đáy nhọn, có nắp. Đã tiệt trùng	Ống	100
147	Ống nội khí quản cong mũi có bóng các cỡ	Ống nội khí quản cong mũi có bóng. Có đủ các cỡ từ 3.0-7.0. Đường kính bóng chèn các cỡ 3.0; 4.0; 5.0; 6.0; 7.0; .Ống có vạch căn quang chạy dọc thân ống. Bóng chèn có áp lực thấp tránh tổn thương niêm mạc khí quản. Đạt ISO... hoặc tương đương	Cái	50
148	Ống nội khí quản sử dụng 1 lần (số 2.5)	Chất liệu: PVC y tế không có bóng. Độ cong sinh lý chuẩn, bóng mềm, thể tích cao, áp lực thấp hoặc thể tích standard áp lực thấp. Cỡ 2.5. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cái	20
149	Ống nội khí quản sử dụng 1 lần (số 3)	Chất liệu: PVC y tế, không có bóng. Độ cong sinh lý chuẩn, bóng mềm, thể tích cao, áp lực thấp hoặc thể tích standard áp lực thấp. Cỡ 3. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cái	10
150	Ống nội khí quản sử dụng 1 lần (số 3.5)	Chất liệu: PVC y tế, không có bóng. Độ cong sinh lý chuẩn, bóng mềm, thể tích cao, áp lực thấp hoặc thể tích standard áp lực thấp. Cỡ 3.5. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cái	20
151	Ống nội khí quản sử dụng 1 lần (số 4)	Chất liệu: PVC y tế, không có bóng. Độ cong sinh lý chuẩn, bóng mềm, thể tích cao, áp lực thấp hoặc thể tích standard áp lực thấp. Cỡ 4. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cái	20
152	Ống nội khí quản sử dụng 1 lần (số 4.5)	Chất liệu: PVC y tế, có bóng. Độ cong sinh lý chuẩn, bóng mềm, thể tích cao, áp lực thấp hoặc thể tích standard áp lực thấp. Cỡ 4.5. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cái	20
153	Ống nội khí quản sử dụng 1 lần (số 5)	Chất liệu: PVC y tế, có bóng. Độ cong sinh lý chuẩn, bóng mềm, thể tích cao, áp lực thấp hoặc thể tích standard áp lực thấp. Cỡ 5. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cái	20

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
154	Ống nội khí quản sử dụng 1 lần (số 5.5)	Chất liệu: PVC y tế, có bóng. Độ cong sinh lý chuẩn, bóng mềm, thể tích cao, áp lực thấp hoặc thể tích standard áp lực thấp. Cỡ 5.5. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cái	20
155	Ống nội khí quản sử dụng 1 lần (số 6)	Chất liệu: PVC y tế, không có bóng. Độ cong sinh lý chuẩn, bóng mềm, thể tích cao, áp lực thấp hoặc thể tích standard áp lực thấp. Cỡ 6. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cái	20
156	Ống nội khí quản sử dụng 1 lần (số 6.5)	Chất liệu: PVC y tế, có bóng. Độ cong sinh lý chuẩn, bóng mềm, thể tích cao, áp lực thấp hoặc thể tích standard áp lực thấp. Cỡ 6.5. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cái	150
157	Ống nội khí quản sử dụng 1 lần (số 7)	Chất liệu: PVC y tế, có bóng. Độ cong sinh lý chuẩn, bóng mềm, thể tích cao, áp lực thấp hoặc thể tích standard áp lực thấp. Cỡ 7. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cái	150
158	Ống nội khí quản sử dụng 1 lần (số 7.5)	Chất liệu: PVC y tế, có bóng. Độ cong sinh lý chuẩn, bóng mềm, thể tích cao, áp lực thấp hoặc thể tích standard áp lực thấp. Cỡ 7.5. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cái	150
159	Ống nghe	Mặt nghe gồm chuông và màng nghe được thiết kế 2 mặt ống nghe 2 tai làm bằng đồng thau dây chữ Y làm bằng nhựa.	Ống	100
160	Ống nghiệm Citrate 2ml	Kích thước ống: 12-13mm x 75mm. Có nhãn. Nắp nhựa màu xanh lá. Chất liệu ống: được làm bằng nhựa PP. Hóa chất: Trisodium Citrate 3.8% Dung tích máu: 2ml có vạch định mức.	Ống	2.000
161	Ống Nghiệm EDTA K2	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP. Kích thước ống: 12-13mm x 75mm, chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2).	Ống	30.000
162	Ống nghiệm Heparin	Kích thước ống: 12-13mm x 75mm. Dung tích tối đa: 6 ml. Bên trong là chất kháng đông Heparin Lithium, Chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối đa 6.000 vòng/phút. Ống đạt tiêu chí độ vô khuẩn.	Ống	35.000
163	Ống nghiệm lưu mẫu huyết thanh 1.5ml có nắp	Ống nghiệm nhựa thể tích 1.5ml, có vạch thể tích trên thân ống, nắp bật	Cái	7.000
164	Ống nghiệm serum nắp đỏ	Ống nghiệm nhựa PP, kích thước 13x75 mm(± 1 mm), dung tích tối đa 6ml ± 0.1 ml, nắp nhựa LDPE màu đỏ. Thành phần hạt nhựa Poly Styrene, chịu được lực quay ly tâm gia tốc ≥ 3.000 vòng/phút, Đạt ISO... hoặc tương đương	Ống	10.000
165	Ống nghiệm thủy tinh 13x100mm	Chất liệu bằng thủy tinh kích thước: đường kính 13mm; chiều dài ống 100mm	Cái	3.000
166	Ống thông tiểu 1 nhánh (Sonde Nelaton) số 16	Được sản xuất từ cao su trắng qua silicon. Được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ từng túi. Size: 16. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Ống	500
167	Ống thông tiểu 1 nhánh (Sonde Nelaton) số 8	Được sản xuất từ cao su trắng qua silicon. Được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ từng túi. Size: 8. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Ống	50
168	Pipet nhựa 3ml	Chất liệu nhựa. Dung tích lấy mẫu 3ml, có vạch chia 0,5ml	Ống/Cái	1.000
169	Plastic Micropipettes 20 μ l	Dùng để hút hóa chất và mẫu bệnh phẩm dùng trong y tế dung tích 20 μ l	Lọ/hộp	10
170	Phim khô 10x12 inch (Máy in Drystar 5302)	Kích thước phim: 25 x 30cm (10x12 inch). Cho chất lượng hình ảnh tốt, không bị ố, nhòe. Phù hợp với máy in phim Drystar 5302. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương.	Tấm	500
171	Phim khô 8x10 inch (Máy in Drystar 5302)	Kích thước phim: 20 x 25cm (8x10 inch). Cho chất lượng hình ảnh tốt, không bị ố, nhòe. Phù hợp với máy in phim Drystar 5302. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương.	Tấm	1.000

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
172	Phim khô máy X - Quang kỹ thuật số 20x25cm	Là loại phim khô Laser kích thước 20 x 25cm, có khay đựng phim đóng kín bằng lớp bạc, nạp khay phim đóng kín trực tiếp vào máy để không bị ảnh hưởng bởi ánh sáng thường. Phim có độ nhiễu thấp và mật độ đồng đều, Phim được phủ nền Polyester 7-mil. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương. Xuất xứ: Nhóm G7. Nhà thầu cam kết cung cấp thiết bị sử dụng phù hợp với hàng hóa sau khi trúng thầu	Tám	30.000
173	Phim khô máy X - Quang kỹ thuật số 26x36cm	Là loại phim khô Laser kích thước 26 x 36cm, có khay đựng phim đóng kín bằng lớp bạc, nạp khay phim đóng kín trực tiếp vào máy để không bị ảnh hưởng bởi ánh sáng thường. Phim có độ nhiễu thấp và mật độ đồng đều, Phim được phủ nền Polyester 7-mil. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương. Xuất xứ: Nhóm G7. Nhà thầu cam kết cung cấp thiết bị sử dụng phù hợp với hàng hóa sau khi trúng thầu.	Tám	7.000
174	Sáp HCT	Chất liệu: sáp	Cái /Hộp	50
175	Sonde foley 2 nhánh số 16	Sản xuất từ 100% cao su tự nhiên, phủ silicon, đầu ống thon, mịn, có bóng mở rộng, màu sắc được mã hóa. Số 16. Đóng gói và tiệt trùng từng sợi. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Ống	1.000
176	Sonde foley 2 nhánh số 8	Sản xuất từ 100% cao su tự nhiên, phủ silicon, đầu ống thon, mịn, có bóng mở rộng, màu sắc được mã hóa. Số 8. Đóng gói và tiệt trùng từng sợi. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Ống	100
177	Sonde hậu môn người lớn	Vật liệu cao su tự nhiên, được đóng gói tiệt trùng. Sonde hậu môn dành cho người lớn. Dây dẫn dài ≥ 400 mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO...., hoặc tương đương.	Ống	100
178	Sonde hậu môn trẻ em	Vật liệu cao su tự nhiên, được đóng gói tiệt trùng. Sonde hậu môn dành cho trẻ em. Dây dẫn dài ≥ 400 mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO...., hoặc tương đương.	Ống	100
179	Tạp dề y tế	Chất liệu màng PE, kích thước ≥ 110 cm x 120cm, tiệt trùng từng cái, tiêu chuẩn y tế. 01 Cái/túi. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cái	1.500
180	Tăm bông vô trùng	Que gòn đã tiệt trùng, thân gỗ/nhựa dài, 1 đầu gòn, đựng trong ống nghiệm. Cán bằng gỗ, đã được tiệt trùng.	Que	1.000
181	Tấm trải nylon	Tấm nylon kích thước 100cm x 130cm (± 3 cm). Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Tấm	1.000
182	Túi đo lượng máu sau sinh	Chất liệu: nhựa PE Dung tích 2000ml. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cái	600
183	Túi đựng bệnh phẩm size M	Túi đựng mẫu bệnh phẩm dùng một lần trong phẫu thuật nội soi size M. Tay cầm bằng nhựa. Thân túi được cấu tạo bằng chất liệu mềm mại, đàn hồi, tiện lợi và an toàn khi tiếp xúc với mô (Chất liệu : Thermoplastic Polyurethane (TPU) và Polyamide (PA)). Bao gồm 1 thân dụng cụ rỗng và 1 túi đựng bệnh phẩm giúp giảm thiểu việc xâm lấn ra xung quanh bằng cách cách ly và chứa bệnh phẩm. Túi đựng bệnh phẩm làm bằng polymer y tế có độ bền cao và mềm mại , dụng cụ hỗ trợ được làm bằng hợp kim Niken Titanium để hỗ trợ đưa bệnh phẩm vào dễ dàng, có dây rút đóng miệng túi sau khi đựng bệnh phẩm. Đạt tiêu chuẩn ISO...., hoặc tương đương.	Cái	100

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
184	Túi đựng bệnh phẩm size S	Túi đựng mẫu bệnh phẩm dùng một lần trong phẫu thuật nội soi size S. Tay cầm bằng nhựa. Thân túi được cấu tạo bằng chất liệu mềm mại, đàn hồi, tiện lợi và an toàn khi tiếp xúc với mô (Chất liệu : Thermoplastic Polyurethane (TPU) và Polyamide (PA)). Bao gồm 1 thân dụng cụ rỗng và 1 túi đựng bệnh phẩm giúp giảm thiểu việc xâm lấn ra xung quanh bằng cách cách ly và chứa bệnh phẩm. Túi đựng bệnh phẩm làm bằng polymer y tế có độ bền cao và mềm mại , dụng cụ hỗ trợ được làm bằng hợp kim Niken Titanium để hỗ trợ đưa bệnh phẩm vào dễ dàng, có dây rút đóng miệng túi sau khi đựng bệnh phẩm. Đạt tiêu chuẩn ISO....., hoặc tương đương.	Cái	50
185	Túi đựng máu 250ml	Dung tích 250 ml dùng để thu thập, xử lý, bảo quản và truyền máu toàn phần hoặc các thành phần máu. Có 35 ml dung dịch chống đông CPDA-1. Ống dây lấy máu dài 950-1.300 mm, Kim lấy máu kích thước 16G. Đóng gói tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO....., hoặc tương đương.	Cái	30
186	Túi đựng nước tiểu có dây treo 2000 ml	Túi nước tiểu tiệt trùng 2000ml, có van xả chống trào ngược, chiều dài dây dẫn 90cm, có dây treo. Tiệt trùng từng cái bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO....., hoặc tương đương.	Cái	1.200
187	Vật liệu cầm máu các loại	Vật liệu cầm máu tự tiêu dùng trong tất cả phẫu thuật. Chất liệu bằng gelatin dạng xốp, hiệu quả cầm máu 2-4 phút, có thể sử dụng chung với thuốc kháng sinh, hóa chất y tế hay thrombin, thời gian tái hấp thu 4-6 ngày. Kích thước: 7-8cm x 5cm x 1cm. Đạt ISO... hoặc tương đương.	Miếng	50
188	Viên khử khuẩn	Khử khuẩn các bề mặt, đồ vật và các thiết bị phòng đẻ, phòng bệnh, phòng mổ, các labo xét nghiệm và trong khử khuẩn bệnh viện. Có chứa: Troclosense Sodium 50% kl/kl	Viên	10.000
189	Vòng tay đeo bệnh nhân	Làm bằng nhựa PVC. Được dùng để nhận dạng bệnh nhân, có các màu khác nhau để phân biệt	Cái	100
190	Vòi Soda	Là chất hấp thụ CO2 an toàn và hiệu quả. Can 5 lít, dùng trong y tế.	Can	5
191	Axit Etching	Dùng để bôi lên bề mặt men răng trước khi đặt vật liệu phục hình; rửa các bề mặt sứ, kim loại và composite trước khi bôi adhesive. Tuýp/5ml	Tuýp	10
192	Composite đặc A3	Thành phần: Có chứa các hạt thủy tinh siêu mịn, màu răng tự nhiên A3, Tuýp $\geq 4g$	Tuýp	10
193	Composite đặc A3,5	Thành phần: Có chứa các hạt thủy tinh siêu mịn, màu răng tự nhiên A3.5, Tuýp $\geq 4g$	Tuýp	10
194	Composite lỏng màu A3	Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, loại lỏng, màu A3, tuýp 2g	Tuýp	10
195	Composite lỏng màu A3,5	Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, loại lỏng, màu A3.5 tuýp 2g	Tuýp	10
196	Fuji IX lớn (15g:8g) màu A3	Fuji IX GC 15g+8g A3. Xi măng trám răng. Đạt tiêu chuẩn ISO....., hoặc tương đương.	Hộp	10
197	Keo bonding	Keo dán hàn răng. Lọ $\geq 5ml$ hoặc $\geq 6g$	Lọ	10
198	Kim nha 27G	Thân kim làm bằng thép không gỉ. Kim nha khoa có thiết kế vát. (Số: 27G, dài 21mm/30mm hoặc tương đương). Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương;	Cây	4.000
199	Mũi khoan nha khoa các cỡ	Mũi khoan bằng thép không gỉ được phủ một lớp tinh thể kim cương dùng trong nha khoa	Cây	10
200	Ống hút nước bọt trong xanh	Dùng hút nước bọt trong nha khoa	Ống	200
201	Sò đánh bóng	Sò đánh bóng nha khoa	Cái/con	10
202	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng máy thận nhân tạo HDF Online	Dùng trong chạy thận cấp cứu	Bộ	20

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
203	Bộ dây lọc máu tương thích máy online HDF tại Trung tâm Y tế	Bộ dây gồm dây động mạch, dây tĩnh mạch và dây safeline. Chất liệu dây: PVC, không có DEHP. Thể tích làm đầy 132ml hoặc tương đương. Tương thích với máy Online HDF 5008S của đơn vị. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương.	Cái	150
204	Dây máu cho máy chạy thận nhân tạo 2 trong 1	Bộ dây bao gồm: 01 dây động mạch, 1 dây tĩnh mạch. Sản xuất từ chất liệu PVC mềm mại, không chứa DEHP. Bầu nhỏ giọt đường kính 19-30mm, bầu nhỏ giọt ở dây tĩnh mạch có màng lọc; có T connector (dây kết nối chữ T). Phù hợp với máy tại đơn vị. . Tiệt trùng. Tiêu chuẩn: ISO... Hoặc tương đương	Bộ	3.000
205	Dây máu cho máy chạy thận nhân tạo 3 trong 1	Bộ dây bao gồm: 01 dây động mạch, 1 dây tĩnh mạch, 1 transducer protector. Dây truyền dịch dài khoản 1,5m. Sản xuất từ chất liệu PVC mềm mại, không chứa DEHP. Bầu nhỏ giọt đường kính 19-30mm, bầu nhỏ giọt ở dây tĩnh mạch có màng lọc; có T connector (dây kết nối chữ T). Phù hợp với máy tại đơn vị. . Tiệt trùng. Tiêu chuẩn: ISO... Hoặc tương đương	Bộ	3.000
206	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (Acid)	Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: - Natri clorid: $\geq 210,68$ g - Kali clorid: $\geq 5,22$ g - Calci clorid.2H ₂ O: $\geq 9,00$ g - Magnesi clorid.6H ₂ O: $\geq 3,56$ g - Acid acetic băng: $\geq 6,31$ g - Glucose.H ₂ O: $\geq 38,50$ g (Hoặc Glucose khan: $\geq 35,00$ g) - Nước tinh khiết đạt tiêu chuẩn ISO vừa đủ: 1.000 ml	Lít	18.000
207	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (Bicarbonat)	Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: - Natri bicarbonat: $\geq 84,0$ g - Nước đạt tiêu chuẩn ISO vừa đủ: 1.000 ml	Lít	20.000
208	Dung dịch rửa quả lọc thận	Thành phần chủ yếu trong 100g có chứa: $\geq 4,2$ g axit Peracetic, $\geq 4,9$ g axit acetic và tá dược khác ($\geq 4,2\%$ axit Peracetic, $\geq 4,9\%$ axit Acetic) Can 5kg. Đạt ISO... hoặc tương đương.	Can	30
209	Hóa chất rửa máy lọc thận	Thành phần chủ yếu trong 100g: ≥ 21 g acid citric 1 - hydrate; ≥ 2 g acid lactic ≥ 2 g acid malic. Dùng khử khuẩn, diệt nấm, lao, diệt virus, rửa máy và tẩy Calci cho máy thận nhân tạo. Can 5 lít. Đạt tiêu chuẩn ISO... hoặc tương đương	Can	30
210	Kim chạy thận nhân tạo 17G	Kim chạy thận 17G, Kim được cắt vát, mài nhẵn đầu kim, làm tròn cạnh đảm bảo không làm rách mô, giảm thiểu chấn thương mạch máu và ít đau khi chích kim. Có khe mắt ngăn cản hiện tượng hút thành mạch. Tất cả kim được tráng silicon để làm giảm tương tác giữa máu và chất liệu thép không gỉ. Tiệt trùng. Đạt ISO... Hoặc tương đương	Cây	12.000

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
211	Quả lọc dịch siêu sạch	Màng lọc dịch siêu sạch, Diện tích màng: 2,2 m ² Chất liệu màng lọc Polysulfone Chất liệu vỏ bọc: Polypropylene Tiêu chuẩn: ISO... hoặc tương đương.	Quả	12
212	Quả lọc máu thận nhân tạo (diện tích màng: 1.8m ²).	- Chất liệu màng: Helixone (Polysulfone-PVP blend) - Diện tích màng: ≥ 1,8m ² - Chất liệu vỏ bọc: polypropylene - Độ dày thành sợi/đường kính sợi (micromet): ≥ 35/185 - Thể tích mỗi: ≥ 95ml - Độ thanh thải ở tốc độ máu 400ml/phút: Urea ≥ 300, Creatinin ≥ 260, Phosphate ≥ 233, Vitamin B12 ≥ 145 - KoAurea: ≥ 976 - Hệ số siêu lọc (được đo trên máu người, Hct 32%, protein 6%): ≥ 14 (ml/h x mmHg) Tiệt trùng. Tiêu chuẩn: ISO...hoặc tương đương. Đạt ISO... hoặc tương đương.	Quả/Cái	1.200
213	Quả lọc máu thận nhân tạo cho máy HDF Online 1,8m ²	Chất liệu màng: Helixone Plus Diện tích màng: 1.8m ² Thể tích mỗi: 95ml Hệ số siêu lọc: 64 ml/giờ/mmHg Áp lực xuyên màng: 600 mmHg Tiệt trùng. Tương thích với máy HDF Online 5008S của đơn vị. Tiêu chuẩn: ISO... hoặc tương đương.	Cái	150
214	Que thử độ cứng của nước	Dùng để kiểm tra độ cứng của nước. Kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 10, 25, 50 và 120ppm. Không sử dụng để kiểm tra nước có độ cứng > 120 ppm. Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 15 giây. Tiêu chuẩn: ISO... hoặc tương đương.	Que/Test	100
215	Que thử hàm lượng Clo tổng dải thấp	Dùng để phát hiện thuốc tẩy clo tồn dư (natri hypochlorite) trong dung dịch đã được sử dụng để rửa các ống thẩm tách - Kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 0.5, 1, 2 và 5 ppm - Không dùng Que thử tồn dư Clo để xác định nồng độ Clo lớn hơn 5 ppm - Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 40 giây. Tiêu chuẩn: ISO... hoặc tương đương.	Que/Test	100
216	Que thử nồng độ Axit Peracetic	Dùng để thử “hiệu lực”; “hiệu năng” hoặc nồng độ của axit peracetic trong chất khử khuẩn cơ bản có chứa axit peracetic/hydrogen peroxide được dùng để khử khuẩn quả lọc. Kiểm tra nồng độ Peracetic Acide từ: 400, 600 và 800 ppm. Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 15 giây hoặc tương đương. Tiêu chuẩn: ISO... hoặc tương đương.	Que/Test	100
217	Que thử tồn dư Peroxide	Xác định bán định lượng Hydrogen Peroxide (H ₂ O ₂) và trong Peroxide trong dung dịch. Xác định dư lượng Peroxide trong thiết bị lọc máu. Kiểm tra nồng độ của chất khử khuẩn acid peracetic/ peroxide đã được giảm xuống mức an toàn sau khi rửa quả lọc, máy chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống xử lý nước. Kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide từ: 0, 1, 3, 5 và 10 ppm. Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 25 giây. Không dùng Que thử để kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide lớn hơn 20 ppm. Tiêu chuẩn: ISO... hoặc tương đương.	Que/Test	100
218	Đinh Kirschner 1.4	Chất liệu thép không gỉ. Đường kính: 1.4 mm.	Cây	20
219	Đinh Kirschner 1.6	Chất liệu thép không gỉ. Đường kính: 1.6 mm.	Cây	20
220	Đinh Kirschner 1.8	Chất liệu thép không gỉ. Đường kính: 1.8 mm.	Cây	20

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
221	Đinh Kirschner 2 đầu nhọn các loại các cỡ	Đinh Kirschner hai đầu nhọn các cỡ, dùng trong phẫu thuật chỉnh hình; dài 300mm; Thép không gỉ; Đạt tiêu chuẩn ISO....., hoặc tương đương.	Cái	10
222	Đinh Kirschner có răng	Đinh Kirschner có răng, đường kính 1.0 - 3.0mm, chiều dài 150-300mm. Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO....., hoặc tương đương.	Cây	10
223	Mũi khoan xương 1.5 mm	Quy cách: 1 cái/gói. Đường kính 1.5mm. Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO....., hoặc tương đương.	Cái	10
224	Mũi khoan xương 2.7 mm	Quy cách: 1 cái/gói. Đường kính 2.7mm. Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO....., hoặc tương đương.	Cái	10
225	Mũi khoan xương 3.2 mm	Quy cách: 1 cái/gói. Đường kính 3.2mm. Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO....., hoặc tương đương.	Cái	10
226	Mũi khoan xương 3.5 mm	Quy cách: 1 cái/gói. Đường kính 3.5mm. Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO....., hoặc tương đương.	Cái	10
227	Nẹp căng tay dài các số	Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cao lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm, dài 18- 25cm.	Cái	20
228	Nẹp cổ cứng	Chất liệu mút EVA (Ethylene Vinyl Acetate), có lỗ thoáng khí. Có khóa dán. Dùng cố định cột sống cổ. Có tối thiểu các cỡ: S, M, L, XL	Cái/bộ	20
229	Nẹp cổ mềm	Nẹp cổ mềm được làm từ mút mềm, bên ngoài có lớp vải và có khóa Velcro. Nẹp cổ phải mềm, êm, đường chỉ may bền, chắc, không hoặc ít chỉ thừa. Các góc cạnh không được sắc, cứng, gây kích ứng, trầy xước trong quá trình sử dụng. Có nhiều kích cỡ khác nhau: S, M, L.	Cái/bộ	10
230	Nẹp đầu ngoài xương đòn hình chữ S bên phải 6 lỗ	Dùng trong ngoại khoa	Cái	6
231	Nẹp đầu ngoài xương đòn hình chữ S bên phải 7 lỗ	Dùng trong ngoại khoa	Cái	2
232	Nẹp đầu ngoài xương đòn hình chữ S bên trái 6 lỗ	Dùng trong ngoại khoa	Cái	6
233	Nẹp đầu ngoài xương đòn hình chữ S bên trái 7 lỗ	Dùng trong ngoại khoa	Cái	2
234	Nẹp mắc xích cỡ 7,8 lỗ	Dùng trong ngoại khoa	Cái	10
235	Nẹp xương đòn 6, 7, 8 lỗ trái, phải	Chất liệu Titanium 6/7/8 lỗ (trái/ phải), chiều dài khoảng 94-123mm; dày khoảng 3mm; rộng khoảng 10.5mm	Cái	30
236	Tua vít 2.5mm	Tua vít xương 2.5mm. Chất liệu: thép không gỉ. Đường kính 2.5mm, có ngàm giữ vít từ 1.5-4.5mm. Được đúc từ một khối thép không ghép. Tiêu chuẩn: ISO... Hoặc tương đương	Cái	2
237	Tua vít 3.5mm	Tua vít xương 3.5mm. Chất liệu: thép không gỉ. Đường kính 3.5mm, có ngàm giữ vít từ 1.5-4.5mm. Được đúc từ một khối thép không ghép. Tiêu chuẩn: ISO... Hoặc tương đương	Cái	2
238	Vít khóa tự taro 2.7 mm	Vít khóa tự taro 2.7 mm: Chất liệu Titanium. Chiều dài từ 10-30mm. Đường kính vít (đường kính ren) 2.7 mm ± 0.05 mm. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO....., hoặc tương đương.	Cây	1

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
239	Vít vỏ đường kính 2.7 dài 16-20mm tự khóa	Vít vỏ đường kính 3.5mm có khóa. Chất liệu: hợp kim Titanium. Đường kính 3.5mm, chiều dài 16-20mm. Thiết kế đầu vít hình ngôi sao ngăn ngừa hồng mũ vít với đường kính đầu vít 6mm, đường kính lõi 3.4mm. Đạt tiêu chuẩn ISO...., hoặc tương đương.	Con	60
240	Vít vỏ đường kính 3.5mm, dài 16-18mm (không khóa)	Vít vỏ đường kính 3.5mm. Chất liệu: hợp kim Titanium. Đường kính 3.5mm, chiều dài 16-18mm. Thiết kế đầu vít hình ngôi sao ngăn ngừa hồng mũ vít với đường kính đầu vít 6mm, đường kính lõi 3.4mm. Đạt tiêu chuẩn ISO...., hoặc tương đương.	Con	60
241	Vít xương cứng 3.5 các cỡ	Chất liệu Hợp kim Titanium. Đường kính thân vít 3.5mm. Dùng mũi khoan 2.5mm - chiều dài vít từ 10-60mm. Đạt tiêu chuẩn ISO...., hoặc tương đương.	Cái	20
242	Vít xương cứng 4.5mm toàn phần ren, dành cho nẹp đa hướng tự taro	Chất liệu Titanium. Đường kính thân vít 4.5mm. Dùng mũi khoan 3.2mm. Chiều dài vít từ 12-80mm. Đạt tiêu chuẩn ISO...., hoặc tương đương.	Cái	20
243	Mặt nạ mũi		Cái	40
244	Mặt nạ mũi miệng		Cái	40